

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2023

V/v: “Ly hôn giữa chị A và A H”

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Bình
Ông Nguyễn Văn Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, trả chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hiền A, sinh năm 1979(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: A Phạm Đức H, sinh năm 1979(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phương, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hiền A trình bày: Chị và A Phạm Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 07 tháng 6 năm 2011

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do A H nghề nghiệp tự do nay đây mai đó, công việc không ổn định, không chăm lo cho vợ con. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng chị ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với A Phạm Đức H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Minh Á sinh ngày 18 tháng 3 năm 2012 hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị muốn được nuôi con và yêu cầu A H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Avắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt

Tại bản tự khai ngày 25/7/2023, bị đơn A Phạm Đức H trình bày: A và chị Nguyễn Thị Hiền A kết hôn năm 2011 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vì hoàn cảnh công việc của hai vợ chồng khác nhau: chị A là giáo viên vùng cao còn A là lao động tự do thường xuyên đi đây đó nên vợ chồng không ở cùng nhau được nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng ly thân. Nay chị Nguyễn Thị Hiền A muốn ly hôn, A đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng A có 01 con chung là Phạm Minh Á sinh ngày 18 tháng 3 năm 2012. Khi ly hôn, con chung sẽ do chị A nuôi dưỡng A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3 triệu đồng 1 tháng

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: A H vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83, 116,117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật TTDS; điều 6, khoản 1 điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hiền A; Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hiền A và A Phạm Đức H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Minh Á sinh ngày 18 tháng 3 năm 2012 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. A H phải cấp dưỡng nuôi con 3 triệu đồng 1 tháng.

3. Về án phí DSST: Chị A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, A H nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật./.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hiền A và A Phạm Đức H đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hiền A và A Phạm Đức H tự nguyện kết

hôn, có đăng ký tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 07 tháng 6 năm 2011; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Quá trình chung sống, giữa chị A và A H nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện công việc của hai vợ chồng khác nhau thường xuyên không chung sống cùng nhau nên tình cảm phai nhạt. Hiện nay chị A và A H ly thân, hai bên không gặp gỡ để tìm biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và A H không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, A H nhất trí.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hiền A và A Phạm Đức H đã mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hiền A đối với A Phạm Đức H.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Hiền A và A Phạm Đức H có 01 con chung là Phạm Minh Á sinh ngày 18/3/2012. Cháu Á có đơn xin được tiếp tục ở cùng với chị A. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của con chung và đề nghị của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị Hiền A và A Phạm Đức H đều có ý kiến sau khi ly hôn cháu Á sẽ do chị Hiền A trực tiếp nuôi dưỡng điều này là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi ly hôn tiếp tục giao con chung là Phạm Minh Á sinh ngày 18 tháng 3 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị Hiền A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện của A Phạm Đức H về việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A hàng tháng là 3.000.000 đ (ba triệu đồng). A H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở

[6] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Hiền A và A Phạm Đức H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hiền A phải nộp án phí ly hôn, A Phạm Đức H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hiền A, A Phạm Đức H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hiền A và A Phạm Đức H

2. *Về nuôi con chung chưa thành niên:* Giao con chung là Phạm Minh Á sinh ngày 18 tháng 3 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị Hiền A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của A Phạm Đức H về cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. A H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Hiền A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 0000550 ngày 04 tháng 7 năm 2023. A H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Hiền A, A Phạm Đức H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện N: 01 bản
- UBND xã N: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thọ